

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về dự án, gói thầu:

1. Giới thiệu về dự án:

1.1. Tên dự án: Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn.

1.2. Địa điểm xây dựng: thôn Sơn Hào, thôn Tân Lập, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Người quyết định đầu tư: UBND đặc khu Vân Đồn.

1.4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đặc khu Vân Đồn.

1.5. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, Công trình giao thông cấp II.

1.6. Mục tiêu dự án:

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung của đảo Quan Lạn và đảo Bản Sen, tạo tiền đề để đáp ứng được nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài về phát triển văn hóa, du lịch, kinh tế xã hội của hai đảo Minh Châu - Quan Lạn và đảo Bản Sen nói riêng và đặc khu Vân Đồn nói chung;

- Xây dựng cầu kết nối đảo Minh Châu – Quan Lạn và đảo Bản Sen để từng bước giải quyết các vấn đề cấp bách về giao thông, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy, tạo sự thông suốt, thuận lợi, giảm chi phí và thời gian cho người và các phương tiện lưu thông trong khu vực.

1.7. Quy mô dự án:

A. Đường giao thông

- Bình đồ: điểm đầu tuyến đầu nối tuyến đường Bản Sen – Tân Lập thuộc địa phận đảo Quan Lạn; điểm cuối đầu nối vào Km6+195 tuyến đường xuyên đảo Minh Châu – Quan Lạn thuộc địa phận đảo Quan Lạn – Minh Châu). Tổng chiều dài tuyến thiết kế $L = 3,001\text{Km}$ (phần đường dẫn dài $L = 2019,54\text{m}$; phần cầu dài $981,68\text{m}$), bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 85\text{m}$.

- Trắc dọc: Thiết kế đảm bảo các điểm cao độ khống chế, cao độ thiết kế tương ứng với tần suất lũ thiết kế cầu, đường bộ, phù hợp với điều kiện địa hình. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 2,68\%$, cao độ điểm đầu $+12,08\text{m}$, cao độ điểm cuối $+6,72\text{m}$.

- Cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$, bề rộng mặt đường bao gồm phần lề gia cố kết cấu đồng bộ $B_{\text{mặt}} = 11,0\text{m}$, bề rộng lề đất $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

- Kết cấu áo đường: Áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa, tải trọng trục tính toán $P = 10$ tấn, $E_{\text{yc}} = 130\text{Mpa}$, bao gồm các loại kết cấu sau:

+ Kết cấu áo đường làm mới KC1: Mặt đường bê tông nhựa C16 dày 5 cm; bê tông nhựa C19 dày 7cm; móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 18 cm

($D_{max}=25\text{mm}$); Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 18 cm ($D_{max}=37,5\text{mm}$).

+ Kết cấu áo đường vuốt nổi: Vuốt nổi phù hợp với kết cấu hiện trạng.

- Nền đường:

+ Nền đắp bằng vật liệu tận dụng từ nền đường đào, độ chặt K95, K98, mái taluy nền đường trồng cỏ; tại các vị trí nền đường đắp cao thiết kế giạt cấp, chiều cao mỗi cấp $H = 6,0\text{m}$;

+ Nền đường đào có độ dốc mái taluy đào tỷ lệ (1/0,5 - 1/1), chiều cao mỗi cấp mái taluy đào (8,0-12,0)m tùy theo điều kiện địa hình, địa chất, phạm vi tiếp giáp với kết cấu áo đường cày xới, lu lèn đảm bảo độ chặt K98.

- Công thoát nước ngang đường: Thiết kế công thoát nước ngang đường gồm 06 công các loại (trong đó công tròn D150 05 cái, công hộp 2x2m 01 cái) đảm bảo khả năng thoát nước lưu vực, thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc tuyến: Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước dọc tuyến bao gồm rãnh hình thang đào trần, rãnh hình thang gia cố BTXM, hệ thống rãnh đỉnh, rãnh cơ, hồ tụ nước, bậc nước taluy dương phù hợp theo điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn dọc tuyến.

- Công trình phòng hộ nền đường:

+ Thiết kế kè ốp mái tại các vị trí tiếp giáp nền đường tiếp giáp vùng ngập nước, kết cấu xây đá hộc vữa xi măng M100 dày 40cm, phía dưới đệm đá mặt dày 10cm;

+ Thiết kế kè bảo vệ mái taluy tại các khu vực tiếp giáp sông, suối, kết cấu kè trọng lực bằng BTXM đảm bảo tần suất lũ thiết kế;

- Hệ thống báo hiệu đường bộ: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

B. Phần cầu

Trên tuyến thiết kế 02 cầu đường bộ vượt địa hình, sông, suối theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017, khổ cầu $B = 12,0\text{m}$, có cây trôi, tần suất thiết kế $P=1\%$, tải trọng thiết kế HL93, tải trọng người đi bộ 3kN. Giải pháp thiết kế như sau:

a, Cầu qua kênh xả hồ chứa nước lòng Dinh Km0+210,56:

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm Super-T BTCT dự ứng lực căng sau $f'c=50\text{Mpa}$, chiều cao dầm $h=1,75\text{m}$, chiều dài nhịp $L_{nhịp}=38,3\text{m}$ gồm 5 phiến dầm, khoảng cách dầm chủ 2,43m; mặt cầu thảm BTN C16 dày 7cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5lít/m²; Bản mặt cầu bằng BTCT $f'c=35\text{Mpa}$ dày 20cm (tim dầm), độ dốc ngang cầu $i=2\%$.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu BTCT $f'c=35\text{Mpa}$ thiết kế mố nhẹ, bệ móng bằng BTCT được đặt trên hệ cọc gồm 03 cọc khoan nhồi BTCT $f'c=30\text{Mpa}$, đường kính $D=1,2\text{m}$. Chiều dài dự kiến $L_{dk}=9\sim 12\text{m}$. Trong lòng mố và đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường đắp vật liệu thích hợp đầm chặt K95 thoát nước.

- Kết cấu khác: Lốp phòng nước sử dụng dung dịch chống thấm dạng

phun; Gờ lan can bằng BTCT $f'c=25\text{Mpa}$; lan can cầu kết cấu thép ống, thép hình mạ kẽm; Thoát nước mặt cầu: Sử dụng hệ thống ống thoát nước bằng gang đúc, nắp đáy bằng thép.

b, Cầu qua luồng sông Mang Km1+465.53:

Bố trí chung cầu:

+ Sơ đồ nhịp $(41.65+2\times45) + (2\times45+42.5)+(2\times40+39.15) + (60+100+60) + (39.15+3\times40) + (3\times40+39.15)\text{m}$. Chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mô $L_{tc}=933,05\text{m}$;

+ Cầu nằm trên các đường cong đứng $R=4000\text{m}$ tiếp dốc về 2 mô phía đầu và cuối tuyến với độ dốc 2,75% và 3,32%, dốc ngang cầu $i_n=2\%$ về 2 phía.

Kết cấu phần trên:

+ Phần cầu chính: Sử dụng kết cấu khung có mặt cắt dạng hộp thành xiên bằng BTCT DƯL thi công theo phương pháp đúc hẫng cân bằng với sơ đồ 3 nhịp liên tục $(60+100+60)\text{m}$. Bề rộng mặt cắt ngang dầm hộp là 11,7m. Chiều cao dầm hộp thay đổi từ 6,0m đến 2,5m.

+ Phần cầu dẫn: Mặt cắt ngang gồm 5 phiên dầm super T bằng BTCT DƯL căng trước, với khoảng cách giữa các dầm 2,35m. Mỗi dầm có chiều dài 38,3m và chiều cao 1,75m. Toàn cầu có 20 nhịp được bố trí thành 5 liên. Liên 1 gồm 3 nhịp với chiều dài 131,65m, Liên 2 gồm 3 nhịp với chiều dài 132,50m, Liên 3 gồm 3 nhịp với chiều dài 119,15m, Liên 4 gồm 4 nhịp với chiều dài 159,15m, Liên 5 gồm 4 nhịp với chiều dài 159,15m; các nhịp được liên tục hoá bằng bản liên tục nhiệt. Bản mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ có chiều dày 18cm (tại tim). Mặt cầu được tạo dốc ngang bằng độ dốc xà mũ mô, trụ.

Kết cấu phần dưới:

+ Kết cấu mô: Sử dụng mô chữ U có tường cánh dọc bằng BTCT đổ tại chỗ có cường độ $f'c = 35\text{Mpa}$. Mô được đặt trên hệ cọc khoan nhồi có đường kính D1,2m bằng BTCT có cường độ $f'c = 35\text{Mpa}$; Phía sau mô, bố trí bản quá độ bằng BTCT đổ tại chỗ có cường độ $f'c = 30\text{Mpa}$; Trong phạm vi 2 tường cánh mô đắp vật liệu chọn lọc dạng hạt thô $K > 0,95$; Tứ nón mô được gia cố bằng lớp BTCT đổ tại chỗ có chiều dày 15 cm, lót nilong; chân khay tứ nón bằng BTXM đổ tại chỗ.

+ Kết cấu trụ: Bằng BTCT đổ tại chỗ có cường độ $f'c = 35\text{Mpa}$, bên trụ được đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính từ 1,2 đến 2,0m.

- Kết cấu khác: Lớp phòng nước sử dụng dung dịch chống thấm dạng phun; Gờ lan can bằng BTCT $f'c=25\text{Mpa}$; lan can cầu kết cấu thép ống, thép hình mạ kẽm; Thoát nước mặt cầu: Sử dụng hệ thống ống thoát nước bằng gang đúc, nắp đáy bằng thép; gờ cầu sử dụng gờ chậu thép, khe co giãn dùng khe răng lược.

C. Xây dựng mới đường dây chiếu sáng:

a, Phần đường dây trung thế:

Đầu nối đường cáp ngầm 22kV với đường dây 22kV hiện trạng: Tổng chiều dài tuyến khoảng 10m cáp nguồn cho 1 trạm biến áp. Sử dụng cáp ngầm.

b, Phần trạm biến áp:

Tổng số gồm 1 trạm biến áp: 50kVA – 22/0,4kV.

- Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu trạm trụ hợp bộ tích hợp (gồm tủ RMU + máy biến áp + tủ điện hạ thế). Máy biến áp lực 3 pha, công suất 50kVA điện áp 22kV.

c, Hệ thống chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp xây dựng mới thuộc dự án và 1 điểm đầu nối vào lưới điện hiện trạng của ngành điện. Tại các tủ điều khiển đóng cắt tự động để vận hành hệ thống chiếu sáng.

- Tổng chiều dài tuyến chiếu sáng 6.001m (chiếu sáng hai bên đường). Bảo vệ cáp ngầm dọc tuyến bằng ống nhựa vữa xoắn HDPE $\phi 50/40$ đặt trong rãnh cáp lót cát đen và báo hiệu cáp bằng băng báo cáp và gạch chỉ. Đối với đoạn cáp qua đường cáp được luồn trong ống nhựa HDPE $\phi 50/40$ lồng trong ống thép D80.

- Đường dẫn có độ rộng 12m: Bố trí đèn 2 bên so le khoảng cột trung bình 40m/cột. Trên cầu bố trí đèn 2 bên đối xứng khoảng cột trung bình 35m/cột. Sử dụng cột thép tròn côn cao 7m phía trên mỗi cột lắp đèn đơn cao 1,5m, vươn 1,5m; lắp 01 bóng LED công suất 80W; bố trí khoảng cột trung bình 40m/cột.

1.8. Tổng mức đầu tư: 553.501.677.000 đồng.

1.9. Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2027.

1.10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách đặc khu và Ngân sách tỉnh hỗ trợ.

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 14 Bảo hiểm công trình.

- Nội dung công việc chính: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng của dự án.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 32 tháng.

II. Mục tiêu công việc:

Bảo hiểm công trình các hạng mục công việc của Dự án Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn.

III. Yêu cầu về kỹ thuật (Yêu cầu bảo hiểm):

1. Loại hình bảo hiểm:

Bảo hiểm mọi rủi ro trong thời gian xây dựng/lắp đặt và bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba.

- Yêu cầu về năng lực của tổ chức: Nhà thầu có Giấy phép thành lập và

hoạt động có nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

2. Mẫu đơn bảo hiểm và đề xuất kỹ thuật:

Theo Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15; Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; Nghị định 46/2023/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm; Thông tư 67/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Đối tượng, người được bảo hiểm:

- Người được Bảo hiểm gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đặc khu Vân Đồn và/hoặc các nhà thầu chính và/hoặc các nhà thầu phụ và/hoặc các bên khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Đối tượng bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng là công trình, hạng mục công trình thuộc dự án Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn.

4. Hạng mục công trình được bảo hiểm:

Bảo hiểm thiệt hại vật chất bất ngờ không lường trước được của tất cả các công việc bao gồm Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình thuộc dự án Dự án Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn.

5. Địa điểm công trình được bảo hiểm: thôn Sơn Hào, thôn Tân Lập, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

6. Thời gian bảo hiểm: Tối thiểu **32 tháng** kể từ ngày khởi công xây dựng công trình hoặc từ ngày khởi công xây dựng công trình đến khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (tùy theo ngày nào đến sau). Trong trường hợp thời gian thi công bị chậm trễ so với tiến độ, Người được bảo hiểm dự án sẽ thông báo cho Người bảo hiểm dự án bằng văn bản và Người bảo hiểm dự án sẽ gia hạn thời gian bảo hiểm dự án theo yêu cầu của Người được bảo hiểm. Việc thay đổi này không làm phát sinh chi phí cho Người được bảo hiểm.

7. Quyền lợi được bảo hiểm:

- Thiệt hại vật chất, bao gồm nhưng không giới hạn như sau: Nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ một hạng mục tài sản nào có tên trong hợp đồng bảo hiểm hay bất kỳ bộ phận nào của hạng mục đó bị tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân bị loại trừ dưới đây gây ra tới mức cần phải sửa chữa hoặc thay thế thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm tổn thất đó theo quy định tại Quy tắc bảo hiểm bằng cách trả tiền. Mức bồi thường đối với từng hạng mục tài sản ghi trong hợp đồng bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm của hạng mục tài sản đó và trong phạm vi hạn mức trách nhiệm bồi thường đối với mỗi sự kiện bảo hiểm (nếu có). Tổng số tiền bồi thường không

vượt quá tổng số tiền được bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo hiểm sẽ bồi thường mọi thiệt hại vật chất bất ngờ cho công trình do những nguyên nhân không bị loại trừ trong hợp đồng bảo hiểm đối với toàn bộ các hạng mục công trình của dự án, máy móc/thiết bị trong quá trình lưu kho cùng với nguyên vật liệu, trang thiết bị kèm theo theo giá trị được kê khai trong phần giá trị bảo hiểm. Chi phí chuyên gia, tư vấn, và chi phí cho kiến trúc sư, giám định viên, kỹ sư, chủ nhiệm Điều hành dự án, Điều phối viên dự án, chi phí pháp lý và các chi phí khác phát sinh cho Người được bảo hiểm sau khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, thay đổi thiết kế...để khôi phục các hạng mục bị tổn thất). Chi phí giám định tổn thất đối với những tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ do Nhà bảo hiểm chịu.

- Bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba: Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm phát sinh đối với thiệt hại tính mạng, thương tật thân thể và/hoặc thiệt hại tài sản của bên thứ ba trong quá trình thi công các hạng mục được bảo hiểm và trong thời hạn bảo hiểm.

8. Số tiền bảo hiểm tối thiểu: Thiệt hại vật chất công trình

- Chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị: 464.246.906.000 đồng, bao gồm các hạng mục:

+ Phần cầu (Cầu đường bộ cấp II): 398.730.158.000 đồng.

+ Phần đường (Đường bộ cấp IV): 65.516.748.000 đồng.

- Tổng số tiền bảo hiểm tối thiểu (đã bao gồm thuế GTGT): 464.246.906.000 đồng.

9. Mức phí bảo hiểm:

Nhà thầu có cam kết phải tuân thủ quy định về phí bảo hiểm tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023, cụ thể:

+ Phần cầu: áp dụng đối với công trình cầu đường bộ theo Phụ lục 3 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

+ Phần đường: áp dụng đối với công trình Đường trong đô thị theo Phụ lục 3 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

- Để đưa về cùng về mặt bằng giá, Mức phí bảo hiểm nhà thầu đề xuất phải bao gồm thuế VAT 10%. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán. Nhà thầu phải đính kèm bảng chi tiết diễn giải mức phí bảo hiểm đề xuất để có cơ sở đánh giá nội dung này.

- Trường hợp Nhà thầu có xây dựng chương trình đề phòng hạn chế tổn thất, chi phí hạn chế đề phòng tổn thất không được giảm trừ vào giá dự thầu mà sẽ được đề xuất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

10. Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm cho các tổn thất đối với các hạng mục trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy

định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng cùng các điều khoản sửa đổi, bổ sung (ĐKBS).

11. Quy tắc bảo hiểm áp dụng:

- Phần vật chất: Theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

- Phần trách nhiệm bên thứ 3: Theo Quy tắc bảo hiểm của nhà thầu đảm bảo quy định hiện hành.

12. Mức khấu trừ: Theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

13. Nguyên tắc tính ưu đãi:

Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu; Nhà thầu phải có bảng kê khai danh sách lao động của từng mục ưu tiên và đính kèm các tài liệu chứng minh các nội dung dưới đây trong E-HSDT:

a. Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh: Toàn bộ thành viên liên danh phải đáp ứng nội dung này.

b. Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn.

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh: Toàn bộ thành viên liên danh phải đáp ứng nội dung này. Địa phương nơi triển khai gói thầu: Tỉnh Quảng Ninh.

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật được tính bằng tổng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật của toàn bộ các thành viên liên danh.

Tài liệu chứng minh: Hợp đồng lao động; Đối với lao động là thương binh: Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương. Đối với người khuyết tật: Nhà thầu cung cấp Giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương.

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là dân tộc thiểu số được tính bằng tổng số lao động là dân tộc thiểu số của toàn bộ các thành

viên liên danh.

Tài liệu chứng minh: Hợp đồng lao động; CCCD/CMND hoặc Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương.

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là nữ giới được tính bằng tổng số lao động là nữ giới của toàn bộ các thành viên liên danh. .

Tài liệu chứng minh: Hợp đồng lao động; CCCD/CMND hoặc Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương.

IV. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Nhà thầu nộp cho chủ đầu tư các tài liệu sau:

- + 03 bản gốc Giấy chứng nhận bảo hiểm của công trình có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 10, Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.
- + 01 bản gốc và 02 bản sao thông báo phí bảo hiểm.
- + 01 bản gốc hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

V. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.